

Cách mạng khoa học - công nghệ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đầu thế kỷ XXI: Nhận thức và kinh nghiệm

Vũ Thị Thu Quyên*

Nhận ngày 22 tháng 4 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 6 năm 2024.

Tóm tắt: Trong lịch sử, các cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến sự phát triển của xã hội, quyết định vị thế của các quốc gia trên thế giới. Khoa học - công nghệ là nhân tố giúp các nước đi sau có thể rút ngắn khoảng cách, thậm chí vượt qua các nước phát triển. Trong xu thế đó, quốc gia nào coi trọng và tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ thì đều đạt được những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội; vị thế của quốc gia được nâng cao. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều quốc gia xác định khoa học - công nghệ là mũi nhọn đột phá chiến lược trong sự phát triển đất nước như: Trung Quốc, Việt Nam, Lào,... Bài viết góp phần làm rõ thêm nhận thức của một số quốc gia về vai trò của khoa học - công nghệ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ đó chỉ ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam.

Từ khóa: Khoa học - công nghệ, cách mạng khoa học - công nghệ, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: Throughout history, scientific and technological revolutions have profoundly and strongly impacted societal development, determining the status of nations worldwide. Science and technology are factors that help latecomer countries shorten the gap and even surpass developed countries. In the trend, any nation that values and boosts the application of science and technology achieves significant accomplishments in socio-economic development and, therefore, has its status elevated. In the process of building socialism, many countries, such as China, Vietnam, Laos..., have identified the sector of science and technology as a strategic spearhead for national development. This article aims to further clarify the awareness of a number of countries regarding the role of science and technology in building socialism, thereby pointing out some lessons for Vietnam.

Keywords: Science and technology, socialism, scientific and technological revolution, building socialism.

Subject classification: Political Science

1. Đặt vấn đề

Bước vào thế kỷ XXI, các nước xã hội chủ nghĩa (XHCH) đã đang tìm con đường mới thể hiện dấu ấn và đặc thù để phát triển. Trong quá trình phát triển ấy đan xen cả những thuận lợi và khó khăn. Trong bối cảnh của cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học - công nghệ (KHCH) đã và đang làm thay đổi sâu sắc nền sản xuất và kinh tế toàn cầu theo hướng thông minh hơn, hiệu quả hơn với tốc độ phát triển nhanh chưa từng có; là chìa khóa giúp quốc gia gia tăng sức cạnh tranh, đổi mới sáng tạo và chuyển mình mạnh mẽ. Thúc đẩy và phát triển KHCH nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở một số quốc gia là lựa chọn “đi tắt, đón đầu”. Một số quốc gia như: Việt Nam, Trung Quốc, Lào đang có những quan điểm

* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Email: quyenbctt@gmail.com

định hướng phát triển KHCN tạo nền tảng thúc đẩy phát triển quốc gia. Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phân tích, so sánh, logic và tổng hợp về việc xây dựng cách mạng KHCN thời kỳ đầu thế kỷ XXI.

2. Nhận thức về vai trò của khoa học - công nghệ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội

2.1. Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định, KHCN là sự đảm bảo quan trọng trong việc khôi phục, phát triển sản xuất và kinh tế. Trong bối cảnh đa số các nước XHCN còn lạc hậu về kinh tế, do vậy chỉ phát triển KHCN mới có thể khôi phục được nền kinh tế. Trước đây, Đảng ta coi cách mạng KHCN là then chốt, là động lực phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) đất nước, là cơ sở quan trọng tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (CNH, HĐH). Phát triển KHCN là nhu cầu của đất nước nhằm đuổi kịp các nước trên thế giới.

Trong chiến lược phát triển KT-XH đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam coi phát triển KHCN là quốc sách hàng đầu, cùng với giáo dục và đào tạo. Muốn rút ngắn quá trình CNH, HĐH phải nắm bắt, khai thác và sử dụng các thành tựu KHCN hiện đại và các yếu tố của kinh tế tri thức, từng bước chuyển sang nền kinh tế tri thức, phù hợp với xu thế chung của thời đại. Để đảm bảo độc lập, tự chủ về kinh tế, phải có năng lực nội sinh về KHCN, đủ khả năng áp dụng thành tựu KHCN tiên tiến, tiếp cận trình độ thế giới, tự phát triển trên một số lĩnh vực, làm chủ công nghệ nhập khẩu và sáng tạo công nghệ mới, đảm bảo cho sự trao đổi bình đẳng về kinh tế và công nghệ bên ngoài.

Đẩy mạnh CNH, HĐH là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên CNXH, nhằm tạo ra thế và lực mới cho đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Trong đó, phát triển KHCN phải hướng vào nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, xây dựng năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia tiến nhanh vào một số ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao; Tạo thị trường cho tiến bộ công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh cho bảo hộ sở hữu trí tuệ và quyền tác giả, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và ứng dụng KHCN vào sản xuất kinh doanh, quản lý, dịch vụ.

Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh phương hướng phát huy đầy đủ vai trò của KHCN trong xây dựng CNXH, đề ra quan điểm mới về đẩy mạnh phát triển KHCN. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn ý nghĩa của KHCN, căn cứ vào xu thế phát triển của cách mạng KHCN hiện nay, kết hợp với thực tế đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra quan điểm mới về xây dựng CNXH trong điều kiện cách mạng KHCN:

Thứ nhất, tiếp thu kịp thời những thành tựu KHCN, kỹ năng quản lý tiên tiến của thế giới, góp phần đào tạo cán bộ quản lý, kinh doanh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, từ đó khơi thông và phát huy vai trò, tiềm năng của quốc gia trong quá trình hợp tác và phát triển. Hội nhập quốc tế là cơ hội để đất nước tiếp cận với những thành tựu mới của cách mạng KHCN đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế đa phương và song phương, thiết lập các quan hệ thương mại, đầu tư, khoa học - kỹ thuật với nước ngoài vì mục tiêu phát triển KT-XH. Nhà nước xây dựng và thực thi các chính sách hấp dẫn thu hút các công ty đa quốc gia đầu tư và chuyển giao công nghệ mới vào trong nước. Công nghệ hiện đại được quan tâm và chú trọng nhập khẩu, trên cơ sở đó từng bước phát triển công nghệ trong nước.

Thứ hai, coi trọng nhân tài trong phát triển KHCN gắn với việc đào tạo chuyên gia. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chính sách trọng dụng nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ kỹ thuật viên lành nghề, công nhân tay nghề bậc cao; song song đó,

thực hiện chính sách thu hút các nhà khoa học đầu ngành ở trong và ngoài nước. Thực hiện nhất quán và thống nhất chính sách phát triển KHCN với đổi mới giáo dục và đào tạo, phát huy mối quan hệ thúc đẩy, tương tác lẫn nhau giữa hai lĩnh vực “quốc sách hàng đầu” này. Thúc đẩy có hiệu quả việc đổi mới tổ chức và cơ chế liên kết giữa KHCN với giáo dục và đào tạo; giữa nghiên cứu, giảng dạy với sản xuất, kinh doanh.

Thứ ba, coi trọng việc kế thừa và phát huy thành tựu KHCN tiên tiến của các nước phát triển để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại, phục vụ đắc lực mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Những định hướng lớn cho phát triển KHCN đã được Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) là: (i) KHCN giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế; (ii) Mục tiêu của phát triển KHCN nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới; (iii) KHCN phát triển đồng bộ trên các lĩnh vực và gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí; (iv) Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực KHCN của đất nước, nghiên cứu, ứng dụng có hiệu quả thành tựu KHCN hiện đại trên thế giới; (v) Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW (ngày 31/10/2012) về phát triển KHCN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; nội dung chỉ rõ những điểm cơ bản sau: (i) Phát triển và ứng dụng KHCN là quốc sách hàng đầu; là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển KT-XH và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp; (ii) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển KHCN; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức KHCN phù hợp với kinh tế thị trường, định hướng XHCN (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2012).

Đề khẳng định vai trò của KHCN thời gian vừa qua, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII nhấn mạnh việc coi lĩnh vực này thực sự là quốc sách hàng đầu; đồng thời, đặt ra yêu cầu cần thiết phải phát triển KHCN của đất nước lên một tầm cao mới, khắc phục những yếu kém của lĩnh vực này, coi đây là công việc trọng yếu và thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, KHCN là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Đến Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định, coi KHCN và đổi mới sáng tạo là một trong các đột phá chiến lược quan trọng nhất tiến tới phát triển nhanh, bền vững. Đồng thời yêu cầu: “Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế; lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 221).

Những quan điểm nêu trên thể hiện sự đánh giá đúng đắn, khách quan, khoa học trên quan điểm, lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về KHCN.

2.2. Nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc

Ngay từ thời kỳ đầu cải cách, mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nhận thức rõ tầm quan trọng của KHCN đối với sự phát triển đất nước. Muốn xây dựng thành công CNXH và theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới thì không có con đường nào khác là phát triển KHCN và giáo dục. Mục tiêu chiến lược xuyên suốt các thời kỳ phát triển của Trung Quốc là tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nhanh chóng vươn lên thành cường quốc toàn diện có tiếng nói và sức mạnh ở phạm vi toàn cầu. Trong chương trình 4 hiện đại hóa của Trung Quốc những năm 70 của thế kỷ XX là công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật, theo đó hiện đại hóa khoa học - kỹ thuật là khâu then chốt nhất. Theo quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nếu không có KHCN hiện đại thì sẽ không thể xây dựng được nền công nghiệp hiện đại, và theo đó cũng không thể có một nền kinh tế quốc dân phát triển cao. Đây chính là cơ sở lý luận của thời kỳ cải cách và định hướng phát triển đất nước nói chung, phát triển KHCN nói riêng nhằm tạo dựng môi trường tôn vinh trí thức, tôn vinh nhân tài. Kể từ năm 1982, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quyết tâm thực hiện: Xây dựng kinh tế nhất thiết phải dựa vào KHCN, KHCN nhất thiết phải hướng vào xây dựng kinh tế. Từ đó, Trung Quốc đẩy mạnh cải cách thể chế KHCN, cải tổ toàn bộ nền KHCN Trung Quốc thông qua hàng loạt chương trình phát triển KHCN như “đóm lửa”, “bó đuốc”, “phát triển công nghệ cao”.

Hiện nay, nền KHCN của Trung Quốc đã trở thành nền KHCN hiện đại, hoàn chỉnh và độc lập, có đội ngũ các nhà khoa học đông đảo, tiềm lực khoa học cao. Chính phủ đã đầu tư mạnh mẽ cho KHCN, đảm bảo sức cạnh tranh của hàng hóa Trung Quốc trên thị trường thế giới. Đồng thời cũng ưu tiên cho việc nhập công nghệ và đầu tư nước ngoài. Chính vì vậy, trình độ KHCN của Trung Quốc ngày càng cao, trở thành một siêu cường trong thế kỷ XXI; KHCN đã trở thành sức sản xuất số một, hơn thế còn biểu hiện tập trung và là tiêu chí chủ yếu của sức sản xuất tiên tiến. Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ trương kết hợp nắm bắt tính ưu việt của CNXH với nắm bắt, vận dụng và phát triển KHCN tiên tiến, ra sức thúc đẩy tiến bộ và sáng tạo KHCN, không ngừng phát huy thành tựu KHCN để nâng cao kinh tế quốc dân, tạo bước nhảy vọt trong phát triển sức sản xuất.

Xuất phát từ thực tiễn của Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, Nghị quyết Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định: Thúc đẩy xây dựng văn minh sinh thái; Tăng cường phát triển xanh, đẩy mạnh bảo vệ môi trường, hình thành hệ thống thể chế văn minh sinh thái; Thúc đẩy tổng thể xây dựng kinh tế, xây dựng chính trị, xây dựng văn hóa, xây dựng xã hội, xây dựng văn minh sinh thái, kiên định thực thi chiến lược phát triển đất nước bằng khoa học giáo dục, chiến lược xây dựng đất nước lớn mạnh bằng nhân tài, chiến lược thúc đẩy phát triển bằng sáng tạo, chiến lược chấn hưng nông thôn, chiến lược phát triển nhịp nhàng giữa các vùng miền, chiến lược phát triển bền vững, chiến lược phát triển kết hợp giữa quân sự và dân sự trong công nghiệp quốc phòng (Đảng Cộng sản Trung Quốc, 2017). Từ chủ trương đó, Chính phủ Trung Quốc xây dựng chiến lược phát triển KHCN, tiếp tục đầu tư nguồn lực cho đổi mới sáng tạo, tập hợp các nhà khoa học, chuyên gia đầu tư nghiên cứu, giải quyết vấn đề “nút thắt” trong phát triển công nghệ cốt lõi và đạt được những thành tựu to lớn về KHCN, nhất là chinh phục vũ trụ, công nghệ sáng tạo trong phát triển sản xuất và dịch vụ, góp phần nâng cao năng suất lao động, đưa nền kinh tế Trung Quốc phát triển mạnh mẽ, tạo nền tảng vững chắc xây dựng CNXH.

2.3. Nhận thức của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào

Xuất phát từ một nước thuần nông, kinh tế lạc hậu, Lào phải đối phó với nhiều thách thức. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã lãnh đạo nhân dân xây dựng CNXH trên nguyên tắc

độc lập, tự chủ, kết hợp sức mạnh nội lực và sức mạnh thời đại; xác định tập trung cao việc khai thác những lợi thế về nguồn tài nguyên giàu có, lấy nông nghiệp và lâm nghiệp làm tiền đề và KHCN làm động lực cho quá trình công nghiệp hóa.

Bước sang thế kỷ XXI, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào xác định tình hình thế giới và trong nước với những đặc điểm mới, lợi thế nghiêng về phía tư bản chủ nghĩa (TBCN), trong đó nhấn mạnh vai trò của KHCN trong sự phát triển của thế giới. Trong định hướng phát triển XHCN, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào chỉ rõ, phải nâng cao dân trí, tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh phát triển KHCN, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào nhấn mạnh mục tiêu công nghiệp hóa, trong đó kết hợp hài hòa giữa phát triển các ngành công nghiệp nhằm khai thác những lợi thế của đất nước với sử dụng hợp lý các thành tựu của KHCN hiện đại. Thực hiện công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, nhưng có trọng điểm, trước mắt ưu tiên những ngành có lợi thế như công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp và phát triển chăn nuôi đại gia súc, công nghiệp chế biến, khai khoáng... xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chế độ mới, để tiếp tục đưa đất nước bước vào sự phát triển mới, tạo dựng những tiền đề để từng bước tiến lên XHCN.

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào xác định, từ một đất nước có điểm xuất phát điểm thấp, dân trí chưa cao, lại ở vào xu thế hội nhập và toàn cầu hóa trong điều kiện KHCN trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và là yếu tố quyết định sự phát triển của thế giới. Vì vậy, phát triển giáo dục và KHCN là hướng ưu tiên mang tính chiến lược. Nhà nước Lào đã dành một phần lớn ngân sách và quy tụ, tập hợp đông đảo một đội ngũ chuyên gia đầu ngành cho công tác nghiên cứu khoa học.

Tại Đại hội lần thứ X của Đảng Cách mạng nhân dân Lào đã xác định một trong những chiến lược quốc gia trong phát triển đất nước giai đoạn 2016-2025 là chiến lược CNH, HĐH, mục đích là nâng cao hiệu quả sản xuất trong có cấu kinh tế quốc gia; sử dụng và phát triển công nghệ hiện đại, sạch, thân thiện với môi trường (Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, 2016: 52).

Cũng tại Đại hội này, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã đưa ra quan điểm: Khuyến khích sáng tạo và ứng dụng KHCN để trở thành yếu tố quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, kinh tế tri thức, nâng cao hiệu quả sản xuất và cạnh tranh. Đầu tư thích hợp vào nghiên cứu và ứng dụng KHCN (Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, 2016: 22). Trên cơ sở quan điểm nêu trên, Chính phủ Lào đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích các nhà khoa học độc lập, chủ động và sáng tạo trong nghiên cứu, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu KHCN vào sản xuất và đời sống.

3. Thuận lợi, khó khăn của xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ ở Việt Nam

3.1. Những thuận lợi

Một là, những tiến bộ của KHCN hiện đại góp phần hoàn thiện lý luận của CNXH khoa học, làm cơ sở cho các nước XHCN nói chung và Việt Nam nói riêng vững bước trên con đường CNXH. Chủ nghĩa xã hội khoa học là kim chỉ nam cho nhiều nước xây dựng CNXH và đã đạt được những thành tựu to lớn. Trong khoảng thời gian đó, cách mạng KHCN đã có những tiến bộ to lớn và tạo ra bước ngoặt trong toàn bộ hệ thống lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất và hiệu quả lao động, tác động sâu sắc vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Xã hội phát triển càng cao, con người sẽ tách dần ra khỏi các quá trình sản xuất trực tiếp. Tiềm năng nội sinh, trí tuệ của con người sẽ trở thành nguồn năng lượng mới của công nghệ và sản xuất. Cùng với sự phát triển của KHCN, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, mức

sống, điều kiện làm việc của người lao động ở các nước tư bản cũng đã có những bước tiến đáng kể. Giai cấp công nhân đã có sự biến đổi về số lượng và chất lượng. Sự thích nghi của chủ nghĩa tư bản hiện đại và sự biến đổi của giai cấp công nhân trong điều kiện cuộc cách mạng KHCN đòi hỏi CNXH khoa học phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, bổ sung những vấn đề lý luận cho phù hợp với thực tiễn của cuộc đấu tranh vì CNXH trong thời kỳ mới. Khoa học công nghệ tiên tiến, *một mặt*, là thành quả cụ thể của khoa học, góp phần nâng cao đời sống con người; *mặt khác* với tư cách là phương pháp khoa học và tinh thần khoa học, nó có thể nâng cao tổ chất của dân tộc và năng lực tư duy lý luận của con người. Chính vì vậy, KHCN có vai trò quan trọng đối với lý luận tư tưởng XHCN. Những tiến bộ KHCN đã và đang làm cho lý luận CNXH khoa học không ngừng được hoàn thiện và đang thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thực tiễn của CNXH khoa học. Đây là yếu tố quan trọng, cơ sở lý luận dẫn dắt cuộc đấu tranh vì CNXH trên thế giới đi đến thắng lợi. Như vậy, sự phát triển của KHCN tiếp tục là tiền đề quan trọng để lý luận CNXH khoa học được tiếp tục hoàn thiện.

Hai là, cách mạng KHCN mở ra triển vọng về sự phát triển hoặc tuần tự hoặc nhảy vọt lên CNXH đối với các nước ở các trình độ khác nhau. Thực tiễn chỉ ra rằng, nền sản xuất của các quốc gia đã thay đổi, mở ra sự tìm kiếm cách thức phát triển mới mà không nhất thiết phải dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên là do KHCN. Đối với các nước đang phát triển, đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định khả năng phát triển rút ngắn, đi tắt và đón đầu để tiến kịp các nước phát triển. Đối với con đường quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN thì đây là cơ hội để phát triển lực lượng sản xuất, một động lực thúc đẩy quan trọng và là nhân tố đảm bảo cho tính khả thi của sự phát triển nhảy vọt, tăng tốc. Ngày nay, công nghệ đã hiện diện trong hầu hết mọi khía cạnh của đời sống, từ hoạt động giao tiếp đến cách thức thực hiện các công việc và sinh hoạt. Sự phát triển của công nghệ đem lại những thiết bị mới với rất nhiều tiện ích, không chỉ nâng cao trải nghiệm của mỗi cá nhân mà còn ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực quan trọng, liên quan đến sự phát triển của cả quốc gia như: giao thông, giáo dục và y học. Những thành công trong nghiên cứu và ứng dụng KHCN đã góp phần làm cho chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện theo hướng bền vững và ổn định.

Ba là, sự phát triển của cách mạng KHCN tạo động lực mạnh mẽ cho cuộc đấu tranh vì CNXH. Chế độ xã hội và quan hệ giai cấp sẽ chế ước phương hướng tiến trình phát triển của KHCN cũng như hậu quả xã hội của nó. Trong xã hội tư bản, đối với rất nhiều trường hợp, lợi ích của giai cấp tư bản thống trị buộc KHCN phải định hướng và đầu tư cho những mục tiêu phi nhân đạo và phản tiến bộ bằng các hình thức trá hình của chủ nghĩa thực dân mới. Mặt khác, sự sáng tạo và vận dụng tiến bộ KHCN thường bị chế ước bởi lợi nhuận hẹp hòi, ích kỷ của giai cấp tư sản. Do vậy, trong nhiều trường hợp tiến bộ KHCN lại bị ngăn chặn, hủy hoại một cách lãng phí. Việc sử dụng KHCN một cách vụ lợi đã đồng thời làm tăng thêm khoảng cách giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển, giữa các nước giàu và các nước nghèo, giữa các tầng lớp trong một xã hội. Khoa học công nghệ cho thấy rõ hơn mặt trái của xã hội tư bản và càng làm bộc lộ bản chất của CNTB. Nhờ những tiến bộ của công nghệ thông tin, bằng những phương tiện thông tin đại chúng, ngày càng nhận ra rằng, CNTB không phải là một hình mẫu phải noi theo như các học giả phương Tây vẫn quảng bá. Khoa học công nghệ là sản phẩm sáng tạo của con người, nhưng sự sáng tạo đó không phải là vô điều kiện mà phải hướng theo mục tiêu chung, vì sự sống của con người và sự tồn tại, phát triển của xã hội. Vì vậy, các quốc gia dân tộc ngày càng nhận thức rõ ràng, để đạt được điều đó không có cách nào khác là đi theo con đường XHCN. Trong điều kiện phát triển KHCN, CNXH sẽ bảo đảm sự phát triển của lực lượng sản xuất ngày càng hiệu quả,

sẽ loại bỏ những chướng ngại trong sự phát triển sản xuất xã hội. KHCN là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển CNXH; và ngược lại, CNXH cũng tạo ra khuôn khổ, triển vọng tăng tiến mới vô cùng thuận lợi cho cuộc cách mạng này.

3.2. Những khó khăn

Một là, ở phương diện toàn cầu, CNTB đang nắm ưu thế về KHCN và chi phối quá trình toàn cầu hóa. Khi CNTB nắm ưu thế về KHCN thì hầu hết các quốc gia đang phát triển đều ở trong tình trạng thiếu vốn, thiếu công nghệ và tri thức quản lý; phải vay mượn các nước phương Tây dẫn đến sự lệ thuộc về kinh tế, việc định hướng phát triển kinh tế và chính trị của các nước này sẽ khó khăn hơn. KHCN góp phần rất quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua tác động đến tổng cung và tổng cầu; các sản phẩm KHCN đóng góp trực tiếp vào tổng sản phẩm nội địa (GDP). Sự phát triển của KHCN có tác động mang tính quyết định đối với tăng trưởng dài hạn và chất lượng tăng trưởng. Đối với các nước XHCN và Việt Nam cũng tương tự, phần đóng góp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế từ KHCN rất cao, nhưng KHCN lại chưa phát triển. Đây là khó khăn đối với cuộc đấu tranh vì CNXH trong điều kiện cách mạng KHCN.

Hai là, nguy cơ tụt hậu của các nước XHCN. Khoa học công nghệ giúp các nước phát triển bỏ xa các nước đang phát triển và các nước XHCN. Vì vậy, các đảng cầm quyền XHCN nếu không giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tiến bộ của KHCN với sự phát triển của CNXH thì trong cuộc cạnh tranh quốc tế, các nước XHCN sẽ bị lạc hậu, thậm chí bị đào thải. KHCN thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa các nước tư bản với nhau, thúc đẩy quá trình hợp tác và gắn liền với nó là quá trình cạnh tranh. Cho dù Việt Nam đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế liên tục, ổn định trong những năm vừa qua, bình quân khoảng từ 5-7%, nhưng thực tế chỉ ra rằng, nếu xét về số tuyệt đối thì GDP của thế giới vẫn đã và đang ngày một tạo khoảng cách xa hơn so với GDP của Việt Nam. Như vậy, dù Việt Nam đã đi được một quãng đường dài, nhưng lại là những bước ngắn, nên vẫn tụt hậu so với nhiều quốc gia khác trên thế giới dù bước chậm, song họ lại đi được những bước dài. Nếu Việt Nam “chậm chạp” trong việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ chế, nguồn lực, v.v... để hấp thụ và tiếp cận công nghệ mới của Cách mạng công nghiệp 4.0 thì Việt Nam có thể “lỡ hẹn” với cơ hội mà cuộc cách mạng này mang lại. Và điều này dẫn đến tụt hậu không chỉ xa hơn về kinh tế, mà còn tụt hậu cả về KHCN, cùng với tiềm lực trên một số lĩnh vực khác so với các nước phát triển trong khu vực và thế giới. Vì vậy, nhiệm vụ hàng đầu là ra sức phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thành CNH, HĐH. Quá trình xây dựng CNXH phải kết hợp chặt chẽ với KHCN để phát huy ngày càng đầy đủ ưu thế của CNXH, tạo động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Ba là, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh mẽ, trong khi đó, phần lớn các quốc gia phát triển theo định hướng XHCN tiềm lực KHCN còn hạn chế, phần lớn vẫn sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu; năng lực tiếp cận thị trường KHCN còn khá chậm so với các nước phát triển trên thế giới. Cho đến nay, loài người đã biết đến 4 cuộc cách mạng công nghiệp. Trong đó, mỗi cuộc cách mạng công nghiệp gắn với sự thay đổi về chất của nền sản xuất dựa trên sự phát triển đột phá về KHCN. Thực chất của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là sự hình thành thế giới số (thế giới ảo), là sự phản ánh phức tạp và sinh động thế giới vật lý (thế giới thực) cùng với sự kết nối giữa hai thế giới đó tạo nên sự biến đổi mang tính cách mạng tác động đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu. Sự phát triển của một số công nghệ mang tính đột phá trong Cách mạng công nghiệp 4.0, điển hình như: công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI),

công nghệ mạng 5G, công nghệ sinh học... đã và đang tác động mạnh mẽ tới tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó tác động trực tiếp đến tất cả các khía cạnh của sự vận động và phát triển KT-XH ở các quốc gia XHCN. Cách mạng công nghiệp 4.0 ở các mức độ khác nhau, đã và đang phá vỡ cấu trúc của hầu hết các ngành công nghiệp ở mọi quốc gia, trong đó có các nước XHCN. Cuộc Cách mạng này báo trước sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị của các quốc gia và sẽ là nền tảng để kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình dựa vào tài nguyên, lao động chi phí thấp sang kinh tế tri thức.

4. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Trong thời gian tới, để xây dựng CNXH, các nước XHCN, đặc biệt là Việt Nam có thể tham khảo những kinh nghiệm sau đây:

Thứ nhất, phải xây dựng cơ chế năng động và sáng tạo khi vận dụng các thành tựu của KHCN vào thực tiễn đời sống. Trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, những thành tựu KHCN phát triển rất nhanh chóng, việc kế thừa, tiếp thu và phát triển những giá trị đó Việt Nam cần phải tạo dựng hệ sinh thái khoa học và công nghệ trong mọi cấu trúc, trụ cột phát triển; cụ thể hóa bằng các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển đất nước trong từng thời kỳ, từng giai đoạn, từng lĩnh vực, có như vậy mới chất lọc được những thành tựu phù hợp với thực tiễn xây dựng đất nước. KHCN hiện đại không chỉ thúc đẩy sức sản xuất mà còn tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội, tác động đến cả chính trị, kinh tế, văn hóa và quan hệ quốc tế, đến xu hướng phát triển của CNXH thế giới. Ở Việt Nam, mọi thành phần, chủ thể kinh tế, thành phần cấu trúc cấu thành xã hội phải coi KHCN, đổi mới sáng tạo là động lực để tạo đà phát triển của chính tổ chức, cá nhân đó.

Trong quá trình thực hiện CNH, HDH đất nước hiện nay, Việt Nam xác định phương hướng cho quá trình này phải bằng và dựa vào KHCN, cùng với phát triển giáo dục, phát triển KHCN là quốc sách hàng đầu, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công CNXH ở Việt Nam.

Thứ hai, phải nhanh chóng xây dựng nền kinh tế Việt Nam phát triển theo hướng kinh tế tri thức. Đây là xu hướng tất yếu của kinh tế thế giới hiện nay và Việt Nam không nằm ngoài xu thế đó. Lực lượng tri thức hiện đại, các ngành công nghệ cao (công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano, công nghệ trong y - sinh học, công nghệ phân tích, trí tuệ nhân tạo,...) cần phải triển khai trong phát triển kinh tế, để tăng năng suất lao động và thúc đẩy phát triển kinh tế quốc dân; xác định, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực KHCN cốt lõi, trụ cột, thiết yếu, mũi nhọn để đầu tư phát triển theo tiêu chuẩn hội nhập quốc tế. Chú trọng đẩy mạnh nghiên cứu KHCN trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, bảo vệ chủ quyền quốc gia, tiến tới làm chủ nhiều công nghệ quan trọng. Tập trung phát triển các lĩnh vực KHCN là trụ cột của Cách mạng công nghiệp 4.0. KHCN cần được xem là mũi nhọn đột phá chiến lược đưa Việt Nam phát triển nhanh, bền vững.

Thứ ba, thực hiện tốt chính sách khuyến khích sáng kiến bằng cơ chế lợi ích thích hợp và phải chú trọng đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực. Coi trọng công tác đào tạo nhân lực KHCN, bảo đảm đội ngũ làm công tác KHCN đáp ứng cho mọi ngành, lĩnh vực và giai đoạn phát triển của xã hội. Cần phải xây dựng cơ chế để phát huy tính sáng tạo cho cả đất nước, xây dựng hệ thống sáng tạo quốc gia, tăng cường khả năng sáng tạo của trí thức, doanh nhân. Đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực KHCN để nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia. Trong thời đại hiện nay, chỉ có nguồn lực trí tuệ, đổi mới phương thức tư duy mới có thể nâng cao vị trí kinh tế và chính trị quốc gia. Muốn xây dựng thành công CNXH thì phải đầu tư nhiều hơn nữa cho KHCN, nâng cao hiệu quả KHCN.

Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ làm thay đổi phương thức quản lý, mô hình sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Điều này, cũng đặt ra yêu cầu Việt Nam phải đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH trên nền tảng của KHCN và đổi mới sáng tạo. Tạo môi trường cạnh tranh trong hoạt động KHCN, tạo sự linh hoạt trong chuyển đổi nghề nghiệp từ nghiên cứu KHCN sang các ngành, nghề khác.

Thứ tư, cần phải nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa CNXH với CNTB, tăng cường mở rộng giao lưu và hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa với các nước trên thế giới, tiếp tục và học tập tất cả các thành tựu văn minh thế giới do con người sáng tạo ra. CNXH muốn phát triển phải kế thừa thành tựu KHCN của các nước tư bản phát triển. Do đó, Việt Nam phải tăng cường mở rộng giao lưu và hợp tác kinh tế, KHCN với các nước tiên tiến trên thế giới trên cơ sở bình đẳng, hợp tác và cùng có lợi.

Thứ năm, việc phát huy tính ưu việt của CNXH phải dựa vào KHCN hiện đại. Khi đi sâu phát triển lý luận và thực tiễn của CNXHKKH đều phải dựa vào những thành quả văn minh của loài người. CNXH chỉ có thể thành công khi nắm bắt và ứng dụng thành tựu KHCN, rút ngắn khoảng cách và đuổi kịp các nước tiên tiến về KHCN. Nếu không tạo ra được trình độ KHCN cao hơn CNTB thì không thể chứng minh tính ưu việt của chế độ XHCN. Mọi sự tiến bộ xã hội hiện nay đều dựa trên những thành tựu KHCN, từ năng suất lao động, mở rộng mậu dịch đối ngoại, vị thế quốc tế của quốc gia. CNXH chỉ có thể phát triển khi kết hợp chặt chẽ với KHCN và KHCN chỉ có thể phát triển mạnh mẽ và vì lợi ích cộng đồng trong xã hội dân chủ XHCN.

5. Kết luận

Trong hoàn cảnh quốc tế mới, xây dựng CNXH đặt ra yêu cầu các nước XHCN phải nghiên cứu, tìm tòi mô hình phù hợp, sáng tạo, linh hoạt trong các quyết sách, tiến hành bằng nhiều phương pháp mới. Cách mạng KHCN sẽ tạo ra những chuyển biến mới trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội; con đường phát triển hiện đại sẽ là tương lai cho sự phát triển của các nước XHCN, trong đó có Việt Nam. Tin tưởng và khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực KHCN từ bên trong, bên ngoài cho xây dựng CNXH ở các nước XHCN sẽ đem lại thành công to lớn.

Tài liệu tham khảo

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. (2016). *Báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng* (bản PDF dịch ra tiếng Việt).

Đảng Cộng sản Trung Quốc. (2022). *Toàn văn Báo cáo tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc*.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2012). *Nghị quyết số 20-NQ/TW (ngày 31/10/2012) về phát triển khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.I. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Quan hệ cạnh tranh Mỹ - Nga trong giai đoạn hiện nay

Nguyễn Lan Hương*

Nhận ngày 11 tháng 02 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Sau khi chính quyền Trump chính thức tuyên bố chuyển sang mô hình cạnh tranh nước lớn, cạnh tranh Mỹ - Trung và cạnh tranh Mỹ - Nga trở thành những vấn đề thời sự lớn được thế giới quan tâm. Cạnh tranh Mỹ - Trung là cạnh tranh chiến lược đối xứng thường được ưu tiên chú ý hơn, còn cạnh tranh Mỹ - Nga là cạnh tranh chiến lược bất đối xứng ít được chú ý hơn, song không kém phần quan trọng. Bài viết¹ chỉ ra cạnh tranh Mỹ - Nga không chỉ mang đặc điểm của cạnh tranh nước lớn mà còn mang các đặc trưng nâng cao hơn nữa, đó là quan hệ cạnh tranh chiến lược. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Nga có tác động lớn tới các khu vực và toàn thế giới, đòi hỏi các nước cần có sự thích ứng và điều chỉnh chiến lược quan hệ linh hoạt.

Từ khóa: Cạnh tranh nước lớn, cạnh tranh chiến lược, quan hệ cạnh tranh Mỹ - Nga.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: After the Trump administration officially announced a shift to a model of great power competition in 2017, US-China competition and US-Russia competition have become major current issues of concern to the world. The US-China competition is a symmetric strategic competition that often receives more attention, while the US-Russia competition is an asymmetric strategic competition that receives less attention, but it is no less important. The article points out that the US-Russia competition not only bears the characteristics of great power competition but also has more special ones, which is a strategic competitive relationship. The competition exerts major impacts on regions and the whole world, requiring countries to adapt and adjust their strategies in a flexible manner.

Keywords: Great power competition, strategic competition, US-Russia competition.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Cạnh tranh giữa các quốc gia trong quan hệ quốc tế có thể hiểu là nỗ lực đấu tranh giành lợi ích, lợi thế giữa các chủ thể quốc tế khi họ chủ động tham gia hành vi tranh giành các yếu tố, nguồn lực khan hiếm hoặc có vai trò quan trọng đối với lợi ích của họ như: quyền lực, an ninh, kinh tế, ảnh hưởng và địa vị. Cạnh tranh nước lớn là quan hệ cạnh tranh giữa các chủ thể là cường quốc. Do đó, cạnh tranh giữa các nước lớn không chỉ mang đặc điểm của cạnh tranh trong quan hệ quốc tế giữa các nước bình thường mà còn mang đặc điểm riêng. Đặc điểm của cạnh tranh nước lớn gắn liền với các tiêu chí căn bản để đánh giá quốc gia là nước sở hữu sức mạnh tổng hợp quốc gia vượt trội so với các nước khác, có năng lực hành vi của nước lớn, có khả năng gây ảnh hưởng lớn và được sự công nhận của các nước khác. Nội hàm của khái niệm cạnh tranh nước lớn gồm bốn đặc trưng: 1) Đối tượng chính của cạnh tranh nước lớn chỉ giới hạn ở các cường quốc hay nước lớn;

* Viện Nghiên cứu châu Mỹ (VIAS).

Email: huongnglan@yahoo.com

¹ Bài viết này là sản phẩm của đề tài cấp Bộ: “Cạnh tranh nước lớn giữa Mỹ và Nga trong bối cảnh mới và tác động tới Việt Nam”, hợp đồng Số 137/HĐKH-KHXH, do Viện Nghiên cứu Châu Mỹ chủ trì.

2) Bản chất của cạnh tranh nước lớn là cạnh tranh vì lợi ích và mục tiêu là giành lợi thế trước các đối thủ cạnh tranh; 3) Nội dung cạnh tranh nước lớn liên quan đến nhiều khía cạnh như chính trị, kinh tế, an ninh, địa vị, uy tín; 4) Động cơ và hành vi của các bên tham gia cạnh tranh nước lớn có thể trái ngược hoặc tương thích, dẫn tới sự hòa hợp, hợp tác, cạnh tranh, đối đầu, xung đột. Có thể thấy rằng, cạnh tranh nước lớn là *trực quan hệ chính được hình thành giữa các nước lớn trong hệ thống quốc tế nhằm tranh giành các lợi ích chính trị, kinh tế, an ninh, ảnh hưởng, uy tín và địa vị để đảm bảo ưu thế phát triển và chiếm giữ vị trí thống trị trong hệ thống quốc tế. Cạnh tranh nước lớn là tập hợp những đòn bẩy kinh tế, quân sự, công nghiệp và chính trị mà các cường quốc áp dụng để đạt được sự thống trị toàn diện*. Mô hình quan hệ cạnh tranh nước lớn không chỉ đề cập tới cạnh tranh trở thành hình thái quan hệ chủ đạo, lắt léo, chi phối quan hệ song phương giữa các nước lớn, mà còn xem xét sự chi phối của của các mối quan hệ cạnh tranh giữa các nước lớn đang định hình, chi phối hệ thống quốc tế.

Sau khi chính quyền Trump tuyên bố chuyển sang cạnh tranh nước lớn với Trung Quốc và Nga trong chiến lược an ninh quốc gia Mỹ 2017, quan hệ quốc tế bị chi phối bởi hình thái quan hệ cạnh tranh nước lớn. Cũng kể từ đó, quan hệ Mỹ - Nga chính thức chuyển sang mô hình cạnh tranh nước lớn. Chủ đề cạnh tranh nước lớn, cạnh tranh Mỹ - Trung và cạnh tranh Mỹ - Nga trở thành những vấn đề thời sự nóng bỏng, khuấy động một làn sóng nghiên cứu mới. Nhưng tới nay, thế giới vẫn chưa có sự thống nhất thế nào là cạnh tranh nước lớn, thế nào là cạnh tranh chiến lược. Là hai quốc gia có vai trò, vị trí quan trọng trong hệ thống quốc tế, cạnh tranh Mỹ - Nga không chỉ đơn giản như mối quan hệ cạnh tranh nước lớn thông thường mà còn mang các đặc trưng đặc biệt hơn của mối quan hệ cạnh tranh chiến lược. Bài viết này tìm hiểu đặc điểm với những biểu hiện và bản chất của quan hệ cạnh tranh Mỹ - Nga trong giai đoạn hiện nay, lí giải vì sao cạnh tranh Mỹ - Nga lại được coi là cạnh tranh chiến lược. Tư liệu được sử dụng là các văn bản chiến lược của Mỹ, Nga và các công trình nghiên cứu có liên quan.

2. Đặc điểm cạnh tranh chiến lược Mỹ - Nga

2.1. Những biểu hiện của cạnh tranh nước lớn Mỹ - Nga

Nga và Mỹ cho đến nay vẫn là hai quốc gia hạt nhân hàng đầu thế giới. Đây cũng là hai quốc gia có nguồn tài nguyên thiên nhiên lớn nhất, đảm bảo khả năng tự cung tự cấp giúp họ sinh tồn ngay cả khi thế giới xảy ra các hỗn loạn nghiêm trọng. Mặc dù Trung Quốc nhanh chóng trở dậy thành cường quốc có sức mạnh bất kíp, song Mỹ và Nga vẫn là hai cường quốc duy nhất có khả năng tiếp cận chiến lược tác động đến toàn bộ lãnh thổ của siêu lục địa Á - Âu hay Bắc Mỹ, tạo thành cốt lõi của thế giới hiện đại. Mỹ được đánh giá là siêu cường nguyên trạng và Nga là cường quốc trỗi dậy, cho thấy cạnh tranh Mỹ - Nga là mối quan hệ cạnh tranh nước lớn.

Quan hệ cạnh tranh của Mỹ với Nga diễn ra ở nhiều cấp độ, từ lĩnh vực quân sự cho đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội. Về quân sự, cạnh tranh giữa hai bên biểu hiện qua việc cả hai bên đều đang tích cực đang tăng cường đầu tư phát triển vũ khí chiến lược, tăng cường khả năng sẵn sàng chiến lược. Bằng chứng của cạnh tranh học thuyết tư duy chiến lược giữa hai nước thể hiện khá rõ. Mỹ tố cáo Nga sử dụng chiến tranh phức hợp² tại các

² Chiến tranh phức hợp là loại hình chiến tranh kết hợp nhiều thủ đoạn chiến tranh khác nhau, như: chiến tranh truyền thống, phi truyền thống, cường độ thấp, hóa học, sinh học, hạt nhân, thông tin và trong không gian mạng.

khu vực vùng xám, nhất là sau xung đột Ukraina 2014 (Ánh Ngọc, 2015). Quân đội Mỹ sử dụng khái niệm “răn đe tổng hợp”³ một phần nhằm đáp trả các cáo buộc Nga sử dụng thông tin để can thiệp vào các tiến trình chính trị nội bộ của Mỹ và định hình không gian chiến đấu, đáp trả việc Nga sử dụng phương thức chiến tranh phức hợp. Khái niệm răn đe chiến lược của Nga cũng tìm cách tích hợp vũ khí hạt nhân, thông tin để chống lại điều mà các chiến lược gia Nga mô tả là mối đe dọa từ “chiến tranh phức hợp” của phương Tây (Adamsky, 2018).

Hai nước Mỹ và Nga cũng đang diễn ra sự cạnh tranh gay gắt về thực lực quân sự trên các khía cạnh vũ khí, công nghệ quân sự và sức mạnh quân sự.

Nga và Mỹ đang nâng cấp lực lượng hạt nhân chiến lược tạo ra cuộc chạy đua nguy hiểm về vũ khí hạt nhân. Những năm gần đây, để bù đắp những thiếu sót tương đối của lực lượng thông thường, Nga ưu tiên phát triển lực lượng hạt nhân chiến lược như tên lửa hành trình chạy bằng năng lượng hạt nhân Burevestnik, siêu tên lửa đạn đạo liên lục địa RS-28 Sarmat (sử dụng nhiên liệu lỏng nặng có khả năng mang đầu đạn hạt nhân). Còn Hoa Kỳ tiếp tục tăng cường hỗ trợ phát triển lực lượng hạt nhân và nâng cao toàn diện khả năng tấn công “bộ ba” hạt nhân chiến lược gồm: bom hạt nhân trên máy bay ném bom chiến lược, tên lửa hạt nhân trên tàu ngầm và tên lửa đạn đạo trên đất liền, chẳng hạn đầu tư vào Chương trình tên lửa đạn đạo liên lục địa LGM-35A Sentinel.

Về mặt chính trị, cả hai bên đều cạnh tranh để giành vị thế, ảnh hưởng và tiếng nói quốc tế, đồng thời cố gắng gây ảnh hưởng xấu đến tiến trình chính trị trong nước của bên kia. Sau cuộc khủng hoảng Ukraine 2014, Mỹ đóng cửa lãnh sự quán và trục xuất các nhà ngoại giao, khiến mối quan hệ giữa hai nước tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Kể từ năm 2016, Đảng Dân chủ Hoa Kỳ đã chỉ trích Nga can thiệp vào cuộc bầu cử Hoa Kỳ, khuấy động cuộc điều tra “thông đồng với Nga” sau khi ông Trump đắc cử. Cuộc điều tra đã khiến thái độ thù địch với Nga của hai đảng và dư luận chính thống ở Mỹ tiếp tục ngày càng sâu sắc. Nga tố cáo Mỹ sử dụng “cách mạng màu”, “viện trợ dân chủ” và các biện pháp khác để thúc đẩy “quá trình dân chủ hóa” của các nước thuộc Liên Xô cũ và “xu hướng ly tâm” đối với Nga cũng như tranh giành ảnh hưởng của Nga ở khu vực (Lê & Trần, 2019). Việc Mỹ hỗ trợ và can thiệp vào các điểm nóng như xung đột Nga - Ukraine hay căng thẳng giữa Armenia và Azerbaijan mới đây đều là biểu hiện tranh giành địa chính trị và phạm vi ảnh hưởng quyền lực.

Về mặt kinh tế, hai bên cạnh tranh về thị trường, tài nguyên, vốn, công nghệ và các yếu tố khác, tìm kiếm lợi ích tuyệt đối hoặc tương đối hơn trong trao đổi kinh tế và cố gắng làm cho các thỏa thuận kinh tế và thương mại song phương hoặc đa phương phản ánh rõ hơn lợi ích và ưu tiên của chính họ. Kể từ năm 2014, Mỹ đã áp dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế với Nga như đóng băng tài sản và chặn các giao dịch tài chính. Ngoài ra Mỹ còn có các biện pháp trừng phạt rộng hơn nhằm vào ba lĩnh vực chiến lược của nền kinh tế Nga: quốc phòng, năng lượng và ngân hàng. Mỹ và Nga cạnh tranh tài nguyên, thị trường tại các khu vực như châu Phi (Lê, 2023), biểu hiện là hai nước không chỉ tăng cường đầu tư, hợp tác kinh tế với các đối tác thân cận mà còn tăng cường can dự đa phương chính trị - kinh tế - quốc phòng trong khu vực.

³ Răn đe tổng hợp nhằm chứng tỏ cho các đối thủ thấy họ sẽ phải trả giá đắt hơn nhiều so với các lợi ích từ hành động thù địch của họ. Chiến lược này trải rộng trên nhiều lĩnh vực và tập trung vào các công cụ như thông tin, tình báo, kinh tế và ngoại giao cũng như vũ khí thông thường và hạt nhân, coi đó là những phương tiện vận dụng trong một chiến lược phối hợp nhằm tăng thiệt hại cho kẻ thù.

Cạnh tranh Mỹ - Nga không chỉ diễn ra trên nhiều lĩnh vực phổ biến cũ mà còn trên các lĩnh vực mới như cạnh tranh mạng. Mỹ và Nga đều tận dụng tiềm năng về công nghệ thông tin, nhất là không gian mạng để dành ưu thế trong các cuộc chiến và coi đó là một trong những chiến lược trọng tâm làm chuyển đổi tư duy quân sự và tổ chức trang bị quân đội trong thế kỷ XXI. Tổng thống Biden tuyên bố sẵn sàng ăn miếng trả miếng nếu phía Nga sử dụng tấn công mạng như vũ khí chiến lược quốc gia thông qua cài mã độc đòi tiền chuộc, tung tin đồn giả gây mất ổn định nhằm vào Mỹ... (Lê, 2022).

Mối quan hệ cạnh tranh chi phối giữa Mỹ và Nga không hoàn toàn loại trừ sự hợp tác và tiếp xúc, trao đổi. Hành động đầu tiên của chính quyền Biden là đồng ý gia hạn 5 năm đối với Hiệp ước START cho thấy nhu cầu cần sự hợp tác Mỹ - Nga trong vấn đề kiểm soát vũ khí. Hay Tại hội nghị thượng đỉnh Geneva 2021, hai Tổng thống Biden và Putin đã đồng ý tiến hành Đối thoại ổn định chiến lược, cho thấy nhu cầu của sự hợp tác nhất định giữa hai bên. Nhưng điều đáng ghi nhận là kể từ khi ông Trump nhậm chức và xác định rõ Nga là đối thủ cạnh tranh chính của Mỹ, không gian hợp tác giữa hai bên ngày càng bị thu hẹp, hai nước không những không giải quyết được những khác biệt chiến lược lâu dài mà còn khó tìm được lợi ích chung trong ngắn hạn, cục bộ. Ngoại trừ sự hợp tác hạn chế trong các vấn đề như chống khủng bố và lệnh ngừng bắn ở Syria, hai bên hầu như không đạt được thỏa hiệp chiến lược nào trong bất kỳ lĩnh vực quan tâm nào. Điều này cho thấy sự chi phối của mô hình cạnh tranh trong quan hệ song phương giữa hai cường quốc Mỹ và Nga.

Ngoài ra, quan hệ cạnh tranh còn hàm chứa nội dung đối đầu, xung đột ở một mức độ nhất định: xung đột lợi ích giữa các bên cạnh tranh gia tăng; một hoặc cả hai bên thực hiện nhiều biện pháp đối đầu hơn; những dàn xếp hiện có trong quan hệ song phương bị phá hủy; nguy cơ khủng hoảng trong quan hệ song phương tăng lên đáng kể, thậm chí có thể xảy ra khủng hoảng cùng lúc trên nhiều vấn đề, xung đột, đối đầu cục bộ. Xung đột Ukraina là một trong những vấn đề cho thấy nguy cơ cạnh tranh Mỹ - Nga có khả năng leo thang trở thành đối đầu xung đột.

2.2. Bản chất cạnh tranh chiến lược Mỹ - Nga

Việc Mỹ coi cạnh tranh nước lớn là cuộc cạnh tranh giữa Mỹ với các đối thủ Trung Quốc, Nga kể từ Chiến lược An ninh Quốc gia (NSS) 2017 cho thấy đây là cuộc cạnh tranh giữa các nước mạnh nhất của hệ thống quan hệ quốc tế, ám chỉ bản chất tiêu cực của cuộc cạnh tranh này. Bằng chứng là cả chiến lược an ninh quốc gia 2017 hay 2022 cùng chiến lược quốc phòng 2018, 2022 và các chiến lược khác sử dụng các thuật ngữ như bất hảo, chủ nghĩa xét lại khi đề cập tới Trung Quốc và Nga. Nhằm nhấn mạnh bản chất đặc biệt của cạnh tranh Mỹ - Trung và Mỹ - Nga hiện nay, chính quyền Biden sử dụng thuật ngữ cạnh tranh chiến lược..

Cạnh tranh chiến lược là một hình thức nâng cao hoặc trường hợp đặc biệt của quan hệ cạnh tranh giữa các quốc gia, thể hiện chủ yếu ở bốn khía cạnh: *Thứ nhất*, cạnh tranh chiến lược thường được thực hiện giữa các cường quốc khu vực hoặc toàn cầu (trong trường hợp này là Mỹ và Nga). *Thứ hai*, cạnh tranh chiến lược vừa là cuộc chiến giành quyền lực, vừa là cuộc chiến giành vị thế; không chỉ liên quan đến các lợi ích kinh tế, an ninh quan trọng mà còn liên quan đến hệ thống, giá trị, sắp xếp trật tự (như các mô hình kinh tế, chính trị trong nước, hệ tư tưởng, cơ chế quốc tế, chuẩn mực quốc tế, trật tự quốc tế),... Nói cách khác,

cạnh tranh chiến lược không chỉ liên quan đến sự phân bổ quyền lực và quan hệ giữa các quốc gia mà còn liên quan đến cấu trúc và bản chất của hệ thống quốc tế. *Thứ ba*, tác động của cạnh tranh chiến lược thường vượt ra ngoài phạm vi song phương và có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi của các nước khác cũng như tình hình khu vực và toàn cầu. Thứ tư, cạnh tranh chiến lược biểu hiện ra dưới hai hình thức tranh giành quyền lực là thông qua trao đổi lợi ích và thông qua vũ lực và ép buộc.

2.2.1. Mâu thuẫn về chiến lược

Các nước lớn không chỉ khác với các quốc gia bình thường do sở hữu sức mạnh, quyền lực lớn hơn mà còn có sức mạnh không giống nhau. Sự khác biệt tương đối về quyền lực và vị thế trong hệ thống quyền lực sẽ mang lại cho các quốc gia những cơ hội và ưu tiên chiến lược khác nhau. Quyền lực và lợi ích của vị thế lãnh đạo hệ thống khiến cường quốc lãnh đạo muốn duy trì vị thế và theo đuổi chiến lược giữ nguyên trạng, trong khi các cường quốc muốn đạt được địa vị lãnh đạo, và theo đuổi chiến lược theo chủ nghĩa xét lại để giành quyền bá chủ, dẫn tới sự mâu thuẫn chiến lược. Trong hệ thống quốc tế hiện tại, Hoa Kỳ giữ vai trò cường quốc lãnh đạo, muốn duy trì địa vị lãnh đạo của mình nên có sự mâu thuẫn chiến lược với các quốc gia không muốn duy trì nguyên trạng. Nga hay Trung Quốc bị cho là các cường quốc đang trỗi dậy theo chủ nghĩa xét lại muốn sửa đổi trật tự quốc tế tự do do Hoa Kỳ lãnh đạo. Tóm lại, sự khác biệt về sức mạnh, vị thế của Mỹ và Nga tạo ra họ lựa chọn chiến lược khác biệt và phản ánh mâu thuẫn chiến lược giữa hai nước.

NSS năm 2017 khẳng định các chính sách can dự được theo đuổi trong hai thập kỷ qua đã không đạt được các mục tiêu của Mỹ và xác định việc quay trở lại nền chính trị cường quyền là thách thức an ninh lớn đối với Hoa Kỳ (The White House, 2017). Nga, Trung Quốc, các quốc gia Iran và Triều Tiên, và chủ nghĩa khủng bố được xác định là những mối đe dọa chính đối với quyền lực, lợi ích và ảnh hưởng của Mỹ trên toàn cầu. *Chiến lược Quốc phòng* năm 2018 xác định cạnh tranh chiến lược lâu dài với Nga và Trung Quốc là “ưu tiên hàng đầu” của Bộ Quốc phòng. Tương tự, NSS 2022 của chính quyền Biden tiếp tục khẳng định Nga và Trung Quốc là các cường quốc xét lại đe dọa tới lợi ích và an ninh của Hoa Kỳ. Như vậy, từ chính quyền Trump, chiến lược của Hoa Kỳ là chiến lược cạnh tranh nước lớn với Trung Quốc và Nga. Trong khi đó, Bộ Ngoại giao Nga mô tả NSS 2017 của Mỹ là mang tính đối đầu, lưu ý “các tuyên bố chống Nga nằm rải rác trong văn bản” và tầm nhìn về quan hệ quốc tế là đối đầu hơn là hợp tác. Mục tiêu của chiến lược này bao gồm duy trì sự thống trị của Mỹ và ngăn chặn Nga (và Trung Quốc) trở thành cường quốc và không khác biệt nhiều so với các chính sách trước đây (MID, 2017). Nhìn chung, chiến lược Nga “tìm cách bảo vệ an ninh của chế độ, ảnh hưởng trong khu vực và ảnh hưởng với tư cách là một cường quốc” (Radin & Reach, 2017). Cạnh tranh với Hoa Kỳ nảy sinh bởi vì Nga “nhận thấy sự lãnh đạo của Hoa Kỳ, và tiếp tục nỗ lực mở rộng dân chủ tự do, như một mối đe dọa đối với những mục tiêu này” (Radin & Reach, 2017).

Mỹ và Nga cũng có những khác biệt lớn trong quan niệm về trật tự quốc tế. Trong khi Mỹ nỗ lực duy trì quyền bá chủ toàn cầu thì Nga ủng hộ một thế giới đa cực. Là hai cường quốc quân sự mạnh nhất thế giới, cho dù Mỹ và Nga bày tỏ thiện chí hòa bình như thế nào, tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh đằng sau sức mạnh quân sự của họ khiến cả hai bên khó có thể không coi nhau là mối đe dọa. Trong hoàn cảnh như vậy, khó có thể xoa dịu quan hệ chính trị song phương, tranh chấp giữa hai nước trong lĩnh vực an ninh chiến lược

sẽ không dừng lại, và tình hình cạnh tranh chung sẽ không suy yếu. Tranh chấp xung quanh vấn đề Syria, vấn đề hạt nhân Iran và vấn đề Đông Ukraine phản ánh thế trận giằng co giữa Mỹ và Nga. Rõ ràng có sự mâu thuẫn chiến lược giữa một cường quốc nguyên trạng Hoa Kỳ với cường quốc Nga muốn cải thiện vị thế và khẳng định vai trò của mình.

2.2.2. Cạnh tranh giữa các đối thủ chiến lược

Từ tổng hợp các nghiên cứu cho thấy, các đối thủ chiến lược mang một số đặc điểm riêng (Mazarr et al, 2021): từng có xung đột trong quá khứ; bị coi là mối đe dọa; nhận thức về sự thù địch lẫn nhau, thiếu tin tưởng, kỳ vọng về xung đột trong tương lai; tranh chấp định kỳ về cùng một vấn đề; không có khả năng giải quyết các nguồn xung đột; tương đương tương đối về sức mạnh quốc gia. Đặc điểm của quan hệ Mỹ - Nga cho thấy họ mang đặc điểm của mối quan hệ giữa các đối thủ chiến lược nên quan hệ giữa họ chính là sự cạnh tranh chiến lược.

Thứ nhất, Mỹ và Liên Xô (tiền thân của Nga) có quan hệ xung đột trong trật tự hai cực của Chiến tranh lạnh. Do đó, quan hệ Mỹ - Nga là quan hệ giữa hai cựu thù trong quá khứ. Kể cả sau Chiến tranh lạnh, quan hệ Mỹ - Nga cũng có rất nhiều vấn đề tạo xung đột định kỳ trong quan hệ: ví dụ như vấn đề mở rộng NATO vào không gian truyền thống Xô viết, xung đột ở Syria... khiến cho quan hệ song phương luôn lâm vào các chu kỳ thăng trầm.

Thứ hai, Nga luôn bị Mỹ coi là mối đe dọa quan trọng. Giới lãnh đạo Mỹ luôn coi Nga là một trong vài quốc gia đặt ra mối đe dọa lớn nhất đối với Hoa Kỳ trên thế giới. Dù xét về mặt địa chính trị hay hệ tư tưởng, Nga đều là một đối thủ địa chính trị đang cố gắng làm suy yếu vị thế quốc tế của Hoa Kỳ và cố gắng làm suy yếu niềm tin vào dân chủ và các giá trị tự do của Hoa Kỳ. Sau khi Liên Xô tan rã, từ việc NATO mở rộng về phía Đông đến các cuộc “cách mạng màu”, các nước phương Tây do Mỹ dẫn đầu tiếp tục siết chặt không gian địa chiến lược của Nga. Sau cuộc khủng hoảng Ukraine, Mỹ áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế, chính trị, xã hội đối với Nga khiến mối quan hệ giữa hai nước tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Cáo buộc Nga can thiệp vào bầu cử Mỹ và điều tra sau đó định hình dư luận chống Nga trong lòng nước Mỹ, khiến cho dù đảng nào cầm quyền cũng khó có thể tạo cải thiện quan hệ với Nga.

Thứ ba, hai bên luôn hoài nghi về ý định của nhau, khả năng tranh chấp kéo dài và xung đột trong tương lai giữa hai bên luôn tồn tại. Nga hoài nghi Mỹ khi cho rằng trật tự quốc tế do Mỹ lãnh đạo hiện nay không chỉ không dành cho Nga vị thế xứng đáng mà còn đe dọa các lợi ích của Nga khi “giới tinh hoa Nga dường như ngày càng đi tới kết luận là Hoa Kỳ và NATO đại diện cho các mối đe dọa chính trị và quân sự lâu dài đối với chế độ hiện tại ở Moscow” (Radin & Reach, 2017). Cam kết lâu dài của Hoa Kỳ đối với các giá trị dân chủ và tự do bị Nga coi là mối đe dọa đối với sự ổn định của khu vực và mối đe dọa hiện hữu đối với chế độ Nga, trở thành điểm không thể hòa giải khác giữa hai nước. Trong khi đó, Hoa Kỳ hoài nghi mưu đồ của Nga trong việc xây dựng quân đội sẽ mang lại các khả năng đe dọa lợi ích của Hoa Kỳ và các đồng minh. Kể từ năm 2008, Nga luôn nỗ lực cải cách quân đội và năng lực tác chiến trong chiến tranh thông thường cường độ cao (Crane & Nichiporuk, 2019). Các yếu tố kinh tế, nhân khẩu học và xã hội hỗ trợ việc xây dựng quân đội của Nga có vẻ tương đối ổn định trong trung hạn (Radin et al, 2019), và xu hướng này tạo ra một thách thức an ninh tiềm ẩn đối với Hoa Kỳ (Crane & Nichiporuk, 2019). Hơn nữa, các mục tiêu chính sách an ninh của Nga vẫn tương đối nhất quán, dự kiến sẽ không thay đổi trong tương lai gần (Radin & Reach, 2017).

Như vậy, “nhìn chung, cả hai bên đều không tin tưởng nhau về cơ bản, coi nhau như đang cố gắng can thiệp vào chính trị trong nước của nhau và nghĩ rằng đối phương vốn dĩ là những kẻ thù lâu dài và bành trướng” (Charap & Demus, 2018). Nga có khả năng vẫn là đối thủ của Mỹ cho đến ít nhất là năm 2030 vì mong muốn thay đổi trật tự quốc tế do Mỹ thống trị, cương quyết giành ảnh hưởng chi phối đối với các nước láng giềng và xây dựng quân đội. Cuộc tranh giành giữa Hoa Kỳ và Nga sẽ là bình thường mới trong tương lai gần (Pezard et al, 2017).

2.2.3. Cuộc tranh giành chiến lược bất đối xứng

Mỹ và Nga không có sức mạnh tổng hợp quốc gia ngang bằng nhưng cuộc tranh giành hiện tại giữa Mỹ và Nga liên quan đến hai trong số các cường quốc quân sự hàng đầu thế giới không chỉ tranh giành lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh, ảnh hưởng, uy tín mà còn tranh giành định hình các nguyên tắc nòng cốt trong quản trị quốc tế và vị thế trong hệ thống quốc tế. Do đó, cũng giống như sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc, cuộc tranh giành Mỹ - Nga có thể được coi là cuộc tranh giành chiến lược (Mazarr, 2021). Nhưng khác với cuộc tranh giành Mỹ - Trung, cuộc tranh giành Mỹ - Nga là cuộc tranh giành tương đương bất đối xứng do Nga có sức mạnh tổng hợp quốc gia yếu hơn hẳn Mỹ. So sánh với sức mạnh của Trung Quốc cho thấy “Nga chỉ có khả năng gây khó khăn trong các vấn đề cụ thể nhưng không có vai trò kinh tế toàn cầu hoặc sức mạnh tổng hợp quốc gia để định hình lại hệ thống” trừ phi gây ra những vụ tấn công tự hủy hoại (Mazarr et al, 2018). Nga yếu hơn Mỹ về sức mạnh tổng hợp quốc gia nhất là về kinh tế, nhưng tương đương về sức mạnh cốt lõi là sức mạnh quân sự chiến lược nên có thể coi cuộc tranh giành giữa hai nước cuộc tranh giành tương đương bất đối xứng.

Chênh lệch quyền lực khiến Nga tìm ra các biện pháp cuộc tranh giành mới. Bản thân Nga từ lâu đã áp dụng một cách tiếp cận huy động không chỉ toàn bộ chính phủ mà còn cả các công ty thương mại, các nhà tài phiệt, các nhà lãnh đạo tôn giáo, các quỹ và các tổ chức phi chính phủ khác. Nga đầu tư mạnh vào hoạt động gây ảnh hưởng ở bên ngoài và sử dụng các biện pháp chiến thuật cuộc tranh giành trong vùng xám như hỗ trợ quân sự hoặc can dự chính trị (Dobbins, Shatz & Wyne, 2019). Việc gây ảnh hưởng chính trị hướng tới các nhóm có chủ trương loại trừ sự can dự của Nga như NATO hoặc EU tạo cơ hội cho Nga đạt được ảnh hưởng trong khu vực.

2.2.4. Mở rộng cuộc tranh giành địa chiến lược

Cuộc tranh giành địa chiến lược hiện tại giữa Hoa Kỳ và Nga đã vượt qua các khu vực ảnh hưởng cũ của Liên Xô ở Trung và Đông Âu truyền thống, có xu hướng mở rộng liên tục sang Trung Đông, Mỹ Latinh, Bắc Cực.

Ở châu Âu, Mỹ luôn thúc đẩy kế hoạch mở rộng về phía đông của NATO và siết chặt không gian chiến lược của Nga. Thông qua bốn lần mở rộng, NATO đã sáp nhập ba nước vùng Baltic, Trung và Đông Âu cũng như các nước lớn ở vùng Balkan, thiết lập một trật tự an ninh do NATO lãnh đạo ở đây. Nga đáp trả bằng các động thái: *Thứ nhất*, tăng cường can dự và mở rộng ảnh hưởng thực tế đối với Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS) và dẫn đầu việc thành lập Liên minh kinh tế Á - Âu; *Thứ hai*, phát triển quan hệ với Iran, Triều Tiên và các nước thù địch với Hoa Kỳ khác nhằm tăng sức mạnh đòn bẩy chống lại Hoa Kỳ; *Thứ ba*, tăng cường hợp tác với các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc và Ấn Độ, cũng như tăng cường đối trọng ngoại giao với Hoa Kỳ. Hai bên luôn có các động thái tấn công

và phòng thủ ở CIS, ở Trung và Đông Âu. Cuộc khủng hoảng Ukraine 2014 hay 2022 cho thấy sự hình thành chính thức của cuộc đối đầu giữa Mỹ và Nga ở khu vực này.

Tại Trung Đông, chính quyền Mỹ từ Tổng thống Trump tới Tổng thống Biden dù áp dụng chiến lược tách rời tổng thể và rút lui một phần, vẫn cố gắng duy trì sự hiện diện và ảnh hưởng ở Trung Đông bằng cách thành lập và củng cố Liên minh chiến lược Trung Đông mới (MESA), và mở rộng bán vũ khí để cải thiện khả năng phòng thủ của các đồng minh. Nga tận dụng cơ hội để củng cố về mặt chính trị những thành tựu quân sự ở Syria, dẫn dắt tiến trình hòa giải chính trị Syria thông qua các cuộc Đàm phán hòa bình Astana hay Sochi, và tăng cường trao đổi chính trị với các nước khác. Nga mở rộng sự hiện diện quân sự ở các nước như Syria, Ai Cập, Libya, đồng thời phá vỡ sự độc quyền của Mỹ trong các vấn đề khu vực, đồng thời mở rộng lợi ích kinh tế thông qua hợp tác dầu khí với Ả Rập Saudi, Qatar, Oman, Kuwait ... Bộ Ngoại giao Nga đưa ra Khái niệm an ninh tập thể tại Vịnh Ba Tư, nhằm triển khai kế hoạch nam tiến thông qua Iran và trực tiếp tiếp cận khu vực Vùng Vịnh để mở rộng không gian chiến lược.

Ở Mỹ Latinh, Mỹ đang tăng cường nỗ lực bảo vệ khu vực ảnh hưởng sâu sau của mình. Một mặt, Mỹ tăng cường trấn áp các lực lượng cánh tả như Cuba, Venezuela, Nicaragua, mặt khác tăng cường hỗ trợ các nước cánh hữu thân Mỹ. Các quan chức cấp cao của Mỹ đã nhiều lần đến thăm các nước cánh hữu như Brazil, Colombia, Chile và Argentina khẳng định sự coi trọng dành cho khu vực Mỹ Latinh. Nga coi Mỹ Latinh là biên giới chiến lược để kiềm chế Mỹ và tăng cường hợp tác với các nước Mỹ Latinh thông qua mua bán vũ khí, viện trợ và đầu tư. Venezuela được Nga coi là điểm tựa chiến lược cho việc “trở lại Mỹ Latinh” thông qua phát triển hợp tác lâu dài trong các lĩnh vực quân sự, dầu khí và các lĩnh vực khác. Ngoài ra, Nga tiếp tục tăng cường hợp tác với Nicaragua, Bolivia, Ecuador và các nước khác, đồng thời từng bước mở rộng ảnh hưởng sâu vào khu vực Caribe gần bờ biển Hoa Kỳ.

Tại khu vực Bắc Cực, Mỹ và Nga liên tiếp ban hành các văn bản chính sách và thực hiện các động thái nhằm đẩy nhanh việc triển khai quân sự ở khu vực Bắc Cực. Tháng 10/2020, Tổng thống Putin đã phê chuẩn chiến lược phát triển vùng Bắc Cực và đảm bảo an ninh quốc gia đến năm 2035. Nga cũng triển khai căn cứ quân sự “Clover” ở Bắc Cực cùng nhiều loại vũ khí, trang bị mới theo yêu cầu riêng. Nga cũng đã cải tạo và đưa vào sử dụng 14 sân bay và 6 căn cứ quân sự lớn thời Liên Xô, hiện đại hóa 16 cảng nước sâu ở Bắc Băng Dương để tăng cường kiểm soát khu vực Bắc Cực. Vào tháng 6 năm 2019, Bộ Quốc phòng Mỹ đã công bố Chiến lược Bắc Cực mới nhắm vào Trung Quốc và Nga, đồng thời khuyến nghị hợp tác toàn diện với các đồng minh để nâng cao hơn nữa khả năng hoạt động quân sự của quân đội Mỹ ở các vùng cực.

3. Bàn luận

Cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Nga nảy sinh trong bối cảnh Nga đang nỗ lực trở lại và Mỹ nỗ lực duy trì quyền bá chủ của mình. Sở dĩ gọi là cạnh tranh chiến lược là vì sự cạnh tranh có ý nghĩa quan trọng xét về mặt mục tiêu lợi ích, lâu dài và có tính toàn diện về phạm vi cũng như tác động toàn cầu. Những thay đổi trong cán cân quyền lực giữa Mỹ và Nga, những khác biệt về vị thế trong trật tự thế giới, những điều chỉnh trong chiến lược và chính sách tương ứng của mỗi nước, cũng như việc gia tăng xung đột về một số vấn đề quan tâm lớn đang khiến cạnh tranh chiến lược trở thành một hình thức chi phối

quan hệ giữa hai nước. Hình thức cạnh tranh này sẽ có tính chất quyết định cho tương lai của quan hệ song phương. Không chỉ vậy, với vị trí chủ chốt của Mỹ và Nga trong hệ thống quốc tế ngày nay, thực trạng và phát triển của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Nga cũng sẽ thúc đẩy phần lớn những thay đổi trong điều kiện kinh tế và chính trị quốc tế, xác định cách thức các cường quốc tương tác trong bối cảnh lịch sử mới và từ đó định hình hệ thống quốc tế của thế kỷ XXI.

Một số tác động chính của quan hệ cạnh tranh này có thể thấy gồm:

Thứ nhất, quan hệ cạnh tranh Mỹ - Nga tiếp tục và sẽ ảnh hưởng đến việc xây dựng cấu trúc thế giới đa cực. Cạnh tranh giữa hai nước đã leo thang từ xung đột ngoại giao, cấm vận kinh tế, xung đột quân sự trong vùng xám đến cạnh tranh toàn diện trên nhiều lĩnh vực như công nghệ, an ninh mạng, chạy đua không gian. Cạnh tranh Mỹ - Nga cũng gây ra những điều chỉnh trong quan hệ giữa các cường quốc khi thúc đẩy quan hệ Nga - Trung gần gũi hơn và thúc đẩy Mỹ - phương Tây chặt chẽ hơn, từ đó làm rõ hơn xu hướng trật tự thế giới vận động theo xu hướng đa cực, đa trung tâm. Khi cạnh tranh giữa hai nước là không thể tránh khỏi, và mối quan hệ căng thẳng giữa hai nước sẽ không được giải tỏa trong thời gian ngắn, và sẽ tác động sâu sắc đến mô hình trật tự thế giới.

Thứ hai, cạnh tranh Mỹ - Nga sẽ gây ra hàng loạt hậu quả khu vực và toàn cầu, bao gồm tăng cường cạnh tranh địa chính trị giữa các cường quốc ở cấp khu vực và toàn cầu, và thúc đẩy chính trị toàn cầu bước vào kỷ nguyên của xung đột quân sự, chạy đua vũ khí hạt nhân và chiến tranh công nghệ. Ảnh hưởng của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Nga trong hệ thống quốc tế và cấp độ toàn cầu đã lan xuống cấp khu vực khi cạnh tranh địa chiến lược giữa hai bên mở rộng và làm gia tăng xung đột lợi ích và cạnh tranh địa chính trị giữa các cường quốc ở Á - Âu, Trung Đông, Bắc Cực và thậm chí cả Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Mở rộng cạnh tranh địa chiến lược giữa Mỹ và Nga cũng có khả năng lan rộng sang khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương khi Mỹ đã có chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở từ thời Tổng thống Trump, còn Nga cũng coi đây là khu vực trọng tâm trong chiến lược biển của mình. Điều này sẽ khiến cho tình hình cạnh tranh ở khu vực này trở nên khốc liệt hơn và tăng áp lực với các nước vừa và nhỏ như Việt Nam.

Thứ ba, cạnh tranh Mỹ - Nga vừa là thách thức vừa là cơ hội đối với Việt Nam. Thông qua đánh giá lại lợi ích và vị thế của Việt Nam trong tình hình cạnh tranh giữa Mỹ và Nga, có thể thấy Việt Nam phải đối mặt với cả thách thức và cơ hội, mấu chốt nằm ở cách nắm bắt cơ hội. Trước hết, cạnh tranh nước lớn Mỹ - Nga và cả Mỹ - Trung khiến vai trò của các cường quốc tầm trung như Việt Nam tăng lên do các cường quốc này cần mở rộng quan hệ để gia tăng sức mạnh và lợi thế trước đối thủ. Vị thế ngày càng tăng của Việt Nam sẽ mang lại cơ hội lớn hơn để hưởng lợi từ cả Mỹ và Nga. Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với những thách thức về tình trạng hỗn loạn và bất ổn do cạnh tranh Mỹ - Nga gây ra, nhưng trong mối quan hệ cạnh tranh này, cơ hội lớn hơn thách thức.

Tăng cạnh chiến lược Mỹ - Nga cũng làm tăng áp lực chọn phe lên các nước vừa và nhỏ như Việt Nam. Điều này khiến chiến lược cân bằng quyền lực của các nước vừa và nhỏ như Việt Nam phải điều chỉnh linh hoạt hơn, hiệu quả hơn và khác biệt với các chiến lược cân bằng nước lớn trước đó. Các khác biệt này có thể thể hiện thông qua mở rộng phạm vi và nội dung của chiến lược cân bằng nước lớn hay mở rộng từ cấp quốc gia đến cấp doanh nghiệp và xã hội.

4. Kết luận

Quyền lực thống trị hệ thống suy giảm khiến Washington nhận ra thực tế “kỷ nguyên mới cạnh tranh nước lớn” đang tới gần. Trung Quốc và Nga đang ngày càng sử dụng sức mạnh của chính mình để bảo vệ các lợi ích và giá trị thường mâu thuẫn với lợi ích của các cường quốc nguyên trạng như Mỹ tạo động lực cho kỷ nguyên cạnh tranh nước lớn mới. Cùng với cạnh tranh Mỹ - Trung, cạnh tranh Mỹ - Nga trở thành ví dụ điển hình của kỷ nguyên cạnh tranh nước lớn hiện nay.

Cạnh tranh Mỹ - Nga không chỉ là cạnh tranh nước lớn thông thường mà còn được thể hiện ở mức độ cao hơn là cạnh tranh chiến lược. Dù Nga có sức mạnh tổng hợp quốc gia yếu hơn Mỹ và Trung Quốc, cạnh tranh Mỹ - Nga vẫn là cạnh tranh chiến lược vì mang những đặc trưng sau: một là có mâu thuẫn về đại chiến lược của hai bên giữa một siêu cường Mỹ lãnh đạo hệ thống muốn duy trì sự nguyên trạng và một cường quốc Nga đang trỗi dậy muốn khôi phục lại vị thế và vai trò của mình trong hệ thống. Hai là Mỹ, Nga là hai đối thủ chiến lược với các bằng chứng về từng xung đột trong quá khứ, có thù địch, thiếu tin tưởng lẫn nhau, có tranh chấp thực tế và khó thỏa hiệp trong giải quyết các tranh chấp, dự báo nguy cơ cạnh tranh trong tương lai và có khả năng chuyển thành xung đột. Ba là, cạnh tranh nước lớn Mỹ - Nga là cạnh tranh chiến lược tương đương bất đối xứng do hai nước không có sức mạnh tổng hợp tương đương nhưng có thành phần sức mạnh nòng cốt của sức mạnh tổng hợp quốc gia là sức mạnh quân sự tương đương. Cuối cùng là, sự mở rộng chiến lược Mỹ - Nga đang diễn ra trong hiện tại và tương lai khiến phạm vi địa lý chiến lược của trò chơi quyền lực Mỹ - Nga tiếp tục mở rộng từ CIS, Trung và Đông Âu sang Trung Đông, Mỹ Latinh, Bắc Cực và các khu vực khác. Với việc các yếu tố gây cạnh tranh giữa hai bên vẫn luôn tiềm ẩn và tồn tại, cạnh tranh Mỹ - Nga sẽ là bình thường mới trong hiện tại và sẽ còn tiếp tục trong tương lai.

Cạnh tranh nước lớn, điển hình là cạnh tranh chiến lược Mỹ - Nga đang là nguyên nhân sâu xa gây ra sự bất ổn, rối loạn trong trật tự quốc tế. Điều này sẽ tác động tới lựa chọn chiến lược của các nước khi họ có lợi ích và nhu cầu liên tục về môi trường hòa bình, ổn định để phát triển. Các nước cần thích ứng với hiện trạng cạnh tranh bình thường mới này và có trách nhiệm trong việc đảm bảo môi trường hòa bình, ổn định thông qua các giải pháp góp phần kiềm chế cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và thúc đẩy hợp tác toàn cầu. Bên cạnh đó, cạnh tranh nước lớn không phải là không đi kèm với các cơ hội, vấn đề là các nước, trong đó có Việt Nam, cần phải biết nắm và quản lý cơ hội trong quan hệ cạnh tranh này.

Tài liệu tham khảo

Adamsky, D. (2018). From Moscow With Coercion: Russian Deterrence Theory and Strategic Culture. *Journal of Strategic Studies*. no. 1–2 (41): 33–60.

Ảnh Ngọc. (2015). 'Cảm hứng' từ Ukraine: Mỹ nghiên cứu 'chiến tranh hỗn hợp'. *Báo điện tử Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh*. <https://plo.vn/cam-hung-tu-ukraine-my-nghien-cuu-chien-tranh-hon-hop-post346780.html>

Crane, K., O. Olikier, and B. Nichiporuk. (2019). *Trends in Russia's Armed Forces: An Overview of Budgets and Capabilities*. Santa Monica, Calif.: RAND Corporation, RR-2573-A.

Charap, S., J. Shapiro, and A. Demus. (2018). *Rethinking the Regional Order for Post-Soviet Europe and Eurasia*. Santa Monica, Calif.: RAND Corporation, PE-297-CC/SFDF A.

- Dobbins, J., H.J. Shatz, and A. Wyne. (2019). *Russia Is a Rogue, Not a Peer; China Is a Peer, Not a Rogue*. Santa Monica, Calif.: RAND Corporation, PE-310-A.
- Flanagan, S.J. & I. Chindea. (2019). *Russia, NATO, and Black Sea Security Strategy: Regional Perspectives from a 2019 Workshop*. Santa Monica, Calif.: RAND Corporation, CF-405-OSD.
- Lê Duy Thắng & Trần Tuấn Sơn. (2019). Quân đội Nga ứng phó với "Cách mạng màu". Tạp chí điện tử *Lý luận chính trị*. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/2890-quan-doi-nga-ung-pho-voi-cach-mang-mau.html>
- Lê Mỹ. (2022). Mỹ và các nước phương Tây sẵn sàng ứng phó chiến tranh mạng từ Nga. *Vietnamnet.vn*. <https://vietnamnet.vn/my-va-cac-nuoc-phuong-tay-san-sang-ung-pho-chien-tranh-mang-tu-nga-820273.html>
- Lê Xuân Thuận. (2023). Gia tăng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc - Nga tại khu vực châu Phi. *Tạp chí Cộng sản*. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/gia-tang-canhh-tranh-chien-luoc-my-trung-quoc-nga-tai-khu-vuc-chau-phi
- Mazarr, M.J. et al. (2018). *Understanding the Emerging Era of International Competition: Theoretical and Historical Perspectives*, Santa Monica, Calif.: RAND Corporation, RR-2726-AF.
- MID. (2017). Kommentarii Departmenta informatsii i pechatu MID Rossii v sviazi c novoi Strategiei natsional'noi bezopastnosti SSHA [Comments from the Russian Foreign Ministry's Department of Information and Press on the New US National Security Strategy]. Ministry of Foreign Affairs of the Russian Federation.
- Pezard, S. et al. (2017). *European Relations with Russia: Threat Perceptions, Responses, and Strategies in the Wake of the Ukrainian Crisis*, Santa Monica, Calif.: RAND Corporation, RR-1579-A.
- Radin, A & C. Reach. (2017). *Russian Views of the International Order*. Santa Monica, Calif.: RAND Corporation, RR-1826-OSD.
- Radin, A. et al. (2019). *The Future of the Russian Military: Russia's Ground Combat Capabilities and Implications for U.S. Russia Competition*. Santa Monica, Calif.: RAND Corporation, RR-3099-A.
- Radin, A. et al. (2019), *Russian Foreign Policy in Historical and Current Con-text: A Reassessment*. Santa Monica, Calif.: RAND Corporation, PE-144-A.
- The White House. (2017). *National Security Strategy of the United States*. <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>
- U.S. DOD. (2018). Nuclear Posture Review. Washington, DC: Office of the Secretary of Defense.